

**BÁO CÁO**

**Sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội”**

-----

Thực hiện Kế hoạch số 145-KH/BKTTW, ngày 22/02/2023 của Ban Kinh tế Trung ương về sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội” (viết tắt là Nghị quyết số 28-NQ/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

***Phần thứ nhất***

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 28-NQ/TW**

**I. Tình hình phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 28-NQ/TW**

**1. Tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 28-NQ/TW**

Ngay sau khi Nghị quyết số 28-NQ/TW được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 28-NQ/TW, đồng thời ban hành Kế hoạch số 65-KH/TU, ngày 10/10/2018 để triển khai thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW (viết tắt là Kế hoạch số 65-KH/TU) trên địa bàn tỉnh.

Các cấp ủy, chính quyền, địa phương đã tổ chức phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị; đồng thời các ngành, các địa phương đã cụ thể hóa nội dung Nghị quyết vào kế hoạch, chương trình công tác. Hằng năm, UBND tỉnh đã giao chỉ tiêu phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho từng huyện, thành phố và UBND các huyện, thành phố giao chỉ tiêu cho từng xã, phường, thị trấn.

BHXH tỉnh phối hợp với báo, đài địa phương tuyên truyền về nội dung Nghị quyết số 28-NQ/TW và Kế hoạch số 65-KH/TU; yêu cầu công chức, viên chức BHXH tỉnh và BHXH các huyện, thành phố tích cực tuyên truyền, phổ biến trực tiếp đến nhân dân và người lao động trong quá trình thực thi công vụ.

**2. Ban hành kế hoạch, chương trình hành động và các văn bản có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW**

Thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 65-KH/TU; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 220/KH-UBND, ngày 11/01/2019 triển khai thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW; Kế hoạch số 502/KH-UBND, ngày 23/01/2019 về thực hiện chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH giai đoạn 2019-2020; Kế hoạch số 8912/KH-UBND, ngày 21/11/2022 về thực hiện chỉ tiêu bao phủ BHXH, BHTN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025. Các sở, ngành liên

quan, UBND các huyện, thành phố đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của ngành, địa phương.

Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 28-NQ/TW và các kế hoạch trên; Đảng ủy BHXH tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 43-CTr/ĐU, ngày 19/10/2018 về việc thực hiện Chương trình hành động số 107-Ctr/BCSD của Ban cán sự đảng BHXH Việt Nam và Kế hoạch số 65-KH/TU của Tỉnh ủy; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc nghiêm túc quán triệt, phổ biến đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 28-NQ/TW và các văn bản có liên quan đến toàn thể đảng viên, viên chức, người lao động trong đơn vị, đồng thời căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết và các kế hoạch đề ra.

## **II. Kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW**

### **1. Kết quả thực hiện các mục tiêu Nghị quyết số 28-NQ/TW**

#### ***1.1. Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH<sup>1</sup>***

Năm 2021: Số người tham gia BHXH là 112.511 người (BHXH bắt buộc: 96.035 người; BHXH tự nguyện: 16.476 người). Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đạt 14,3% (bao gồm cả lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh), trong đó tham gia BHXH tự nguyện là 2,09%.

Năm 2022: Số người tham gia BHXH là 121.158 người (BHXH bắt buộc: 105.134 người; BHXH tự nguyện: 16.024 người). Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đạt 15,27% (bao gồm cả lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh), trong đó tham gia BHXH tự nguyện là 2,02%.

Ước thực hiện năm 2023: Số người tham gia BHXH là 128.108 người (BHXH bắt buộc: 109.648 người; BHXH tự nguyện: 18.460 người). Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đạt 16% (bao gồm cả lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh), trong đó tham gia BHXH tự nguyện là 2,31%.

#### ***1.2. Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN<sup>2</sup>***

Năm 2021: Số người tham gia BHTN là 75.009 người. Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN đạt 9,54%.

Năm 2022: Số người tham gia BHTN là 84.206 người. Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN đạt 10,61%.

Ước thực hiện năm 2023: Số người tham gia BHTN là 88.720 người. Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN đạt 11,08%.

#### ***1.3. Tỷ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu và BHXH hằng tháng<sup>3</sup>.***

<sup>1</sup>Mục tiêu theo Nghị quyết số 28-NQ/TW: Phần đầu đạt khoảng 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện chiếm khoảng 1% lực lượng lao động trong độ tuổi; theo Kế hoạch số 65-KH/TU: Phần đầu đạt khoảng 13% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện chiếm khoảng 0,5% lực lượng lao động trong độ tuổi.

<sup>2</sup> Mục tiêu theo Nghị quyết số 28-NQ/TW: Khoảng 28% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN; theo Kế hoạch số 65-KH/TU: Khoảng 12% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN.

<sup>3</sup> Mục tiêu theo Nghị quyết số 28-NQ/TW: Có khoảng 45% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; theo Kế hoạch số 65-KH/TU: Có khoảng 25% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.

Năm 2021: Số người được hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng là 26.494 người; số người sau độ tuổi nghỉ hưu là 163.323 người. Đạt tỷ lệ 16,22% (không tính số người được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội).

Năm 2022: Số người được hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng là 27.093 người; số người sau độ tuổi nghỉ hưu là 174.644 người. Đạt tỷ lệ 15,51% (không tính số người được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội).

#### ***1.4. Về tỷ lệ giao dịch điện tử về BHXH***

BHXH tỉnh thường xuyên đẩy mạnh việc tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính (TTHC) qua giao dịch điện tử; tuyên truyền vận động người dân thực hiện các giao dịch TTHC trên ứng dụng “VssID-BHXH số” và trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giao dịch điện tử tính đến thời điểm cuối năm 2021 là 63,8%, năm 2022 là 68,04%.

#### ***1.5. Thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4***

Từ cuối năm 2020, ngành BHXH Việt Nam đã triển khai cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của ngành; tích hợp và cung cấp 25 dịch vụ công trực tuyến của Ngành trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. BHXH tỉnh đã cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến của ngành BHXH Việt Nam.

#### ***1.6. Về giảm số giờ giao dịch giữa cơ quan BHXH với doanh nghiệp đạt mức ASEAN 4***

Hằng năm, BHXH Việt Nam phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đánh giá chung cho toàn ngành BHXH Việt Nam về số giờ giao dịch giữa cơ quan BHXH với doanh nghiệp, không đánh giá riêng đối với từng BHXH cấp tỉnh (năm 2019 là 147 giờ/năm; năm 2020 là 80 giờ/năm; từ năm 2021 đến nay chưa có kết quả đánh giá).

#### ***1.7. Về chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia BHXH đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công của cơ quan BHXH***

Việc đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia BHXH hằng năm do BHXH Việt Nam tổ chức thực hiện đánh giá và công bố (kết quả khảo sát đánh giá năm 2020 của chung toàn ngành BHXH Việt Nam về nội dung người dân, tổ chức, doanh nghiệp hài lòng với chất lượng cung cấp dịch vụ công khi đến giao dịch trực tiếp với ngành BHXH, đạt 81,6%/KH 80%).

### **2. Đánh giá kết quả thực hiện một số nội dung cải cách trong thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN**

#### ***2.1. Về cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin***

Giai đoạn 2018-2021, ngành BHXH đẩy mạnh thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động. Đồng thời, xác định thực hiện chiến lược chuyển đổi số của Chính phủ, của ngành cũng như các kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm nhằm giảm thủ tục, giảm thời gian, tiết kiệm chi phí và tạo thuận lợi nhất cho các đơn vị, cá nhân giao dịch với cơ quan BHXH, nâng cao chất lượng phục vụ và chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

BHXXH tỉnh thường xuyên rà soát, đề nghị BHXXH Việt Nam sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính không còn phù hợp, không còn đáp ứng yêu cầu quản lý; đồng thời, đa dạng các hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (qua bộ phận “Một cửa”; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua giao dịch điện tử); đưa vào vận hành Hệ thống Một cửa điện tử tập trung để quản lý, theo dõi trực tuyến toàn bộ quy trình nghiệp vụ, từ việc tiếp nhận hồ sơ đến thụ lý giải quyết, trả kết quả. Hiện nay đạt gần 100% các đơn vị sử dụng lao động thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực đăng ký tham gia và cấp sổ BHXXH, thẻ BHYT và đạt gần 97,8% trong giải quyết hưởng chính sách, chế độ BHXXH.

Thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg, ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025, BHXXH tỉnh đẩy mạnh vận động, khuyến khích người hưởng nhận các chế độ BHXXH, trợ cấp thất nghiệp sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt tại khu vực đô thị.

Thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” của Chính phủ (Đề án 06), BHXXH tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư mọi nguồn lực tối ưu và phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện Đề án theo quy định.

Từ ngày 01/7/2022, ngành BHXXH tỉnh đã ban hành và triển khai thực hiện quy trình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của BHXXH toàn tỉnh. Đồng thời, tiếp tục triển khai hoàn thiện cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin; triển khai ứng dụng hiệu quả hệ thống phần mềm nghiệp vụ BHXXH, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm liên quan; liên thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các sở, ngành liên quan theo quy định pháp luật; đẩy mạnh giao dịch điện tử, dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn và lộ trình thực hiện của BHXXH Việt Nam; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động nghiệp vụ, kịp thời rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu tập trung người tham gia BHXXH, BHYT.

## ***2.2. Nâng cao chất lượng phục vụ, chăm sóc khách hàng***

BHXXH tỉnh phối hợp với các sở, ngành đã triển khai đồng bộ các giải pháp để bảo đảm cải thiện và nâng cao chỉ số hài lòng của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân đối với hệ thống BHXXH toàn tỉnh. Ban hành và đôn đốc thực hiện các quy định, quy chế, tăng cường kiểm tra, đôn đốc các đơn vị về thời hạn giải quyết hồ sơ; kịp thời rà soát, điều chỉnh quy trình, thủ tục giải quyết hồ sơ trên phần mềm quản lý, niêm yết công khai các thủ tục theo đúng quy định của BHXXH Việt Nam.

BHXXH tỉnh tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Cổng thông tin điện tử, duy trì hoạt động các Trang thông tin BHXXH tỉnh trên nền tảng thông tin mạng xã hội và chương trình truyền thông trực tuyến, thực hiện tốt việc hỗ trợ, tư vấn, giải đáp chính sách cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân về BHXXH, BHYTN bằng nhiều hình thức: Thông qua bộ phận 1 cửa cơ quan BHXXH, điện thoại, mạng xã hội, công tác truyền thông, tư vấn, hướng dẫn trực tiếp tại địa bàn khu dân cư...

Qua đó, nâng cao chất lượng phục vụ, bảo vệ quyền lợi cho người tham gia; nâng cao thái độ phục vụ của đội ngũ viên chức, người lao động trong việc tư vấn, hướng dẫn khách hàng khi thực hiện giao dịch, không gây phiền hà, khó khăn cho các tổ chức, cá nhân; tăng cường trách nhiệm trong việc xử lý hồ sơ, kịp thời giải quyết hồ sơ đúng hạn, đúng quy trình nghiệp vụ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình xử lý hồ sơ, giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân.

Duy trì và phát triển đa dạng kênh tương tác với khách hàng để tư vấn, hỗ trợ, giải đáp, tháo gỡ những vướng mắc khó khăn cho người dân, doanh nghiệp, qua đó củng cố sự hài lòng, tin cậy của khách hàng đối với chính sách, pháp luật BHXH, BHTN nói chung, đối với phương thức phục vụ của cơ quan BHXH nói riêng.

Từ tháng 11/2020, ứng dụng “VssID-BHXH số” được BHXH Việt Nam chính thức đưa vào hoạt động, cung cấp các dịch vụ, tiện ích cho người tham gia, thụ hưởng chế độ, chính sách BHXH, BHTN, giúp người lao động kiểm soát được toàn bộ quá trình đóng, hưởng BHXH, BHTN; chuyên đổi nhận lương hưu và trợ cấp BHXH hằng tháng qua tài khoản cá nhân ATM; xem thông báo xác nhận quá trình đóng BHXH, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mà mà không cần phải đến cơ quan BHXH giúp người dân tiết kiệm được thời gian, chi phí khi thực hiện các giao dịch thủ tục hành chính.

Từ tháng 5/2023, BHXH tỉnh triển khai phát Phiếu đánh giá về tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân khi đến giao dịch tại bộ phận một cửa để qua đó kịp thời nắm bắt, tiếp thu giải quyết những vấn đề bất cập, không phù hợp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và nâng cao chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp, tổ chức đối với cơ quan BHXH.

### **2.3 Công tác thu, phát triển người tham gia BHXH, BHTN**

- Về phát triển người tham gia BHXH, BHTN

Số người tham gia BHXH bắt buộc: Năm 2022, số người tham gia BHXH bắt buộc là 121.158 người, tăng 21,59 % với 21.516 người so với năm 2018; 4 tháng đầu năm 2023, số người tham gia BHXH bắt buộc là 105.375 người.

Số người tham gia BHXH tự nguyện: Năm 2022, số người tham gia BHXH tự nguyện là 16.024 người, tăng 657,28% với 13.908 người so với năm 2018; 4 tháng đầu năm 2023, số người tham gia BHXH tự nguyện là 14.969 người.

Số người tham gia BHTN: Năm 2022 số người tham gia BHTN là 84.206 người, tăng 11,5% với 8.687 người so với năm 2018; 4 tháng đầu năm 2023, số người tham gia BHTN là 84.501 người.

*(Chi tiết kèm theo Phụ lục số 01)*

- Về số tiền thu BHXH, BHTN: Tổng số tiền thu BHXH, BHTN từ năm 2018 đến tháng 4/2023 là 7,98 tỷ đồng, trong đó: thu BHXH là 7,5 tỷ đồng, thu BHTN là 476.436 triệu đồng. Riêng kết quả năm 2022 như sau: Số thu BHXH bắt buộc là 1,5 tỷ đồng, tăng 25,42% so với năm 2018; số thu BHXH tự nguyện là 78.729 triệu đồng, tăng 784,2% so với năm 2018; số thu BHTN là 82.298 triệu đồng, giảm 0,64% so với năm 2018. *(Chi tiết kèm theo Phụ lục số 02)*

- Số tiền nợ BHXH, BHYT: Số tiền nợ BHXH, BHYT có xu hướng giảm dần qua các năm, cụ thể: Năm 2018 nợ 55.161 triệu đồng, năm 2019 nợ 53.239 triệu đồng, năm 2020 nợ 56.478 triệu đồng, năm 2021 nợ 54.182 triệu đồng, năm 2022 nợ 51.017 triệu đồng.

- Việc rà soát, khai thác, phát triển người tham gia BHXH, BHYT

Trong những năm qua, công tác phát triển người tham gia BHXH, BHYT từng bước được chú trọng thực hiện, đặc biệt được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, thường xuyên của UBND tỉnh, sự tham gia phối hợp giữa cơ quan BHXH và các cơ quan có liên quan, địa phương trong việc chia sẻ các nguồn dữ liệu để thực hiện khai thác phát triển người tham gia BHXH, BHYT.

BHXH tỉnh đã phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc cung cấp dữ liệu doanh nghiệp đăng ký giấy phép kinh doanh và quyết toán thuế để cơ quan BHXH có cơ sở khai thác, phát triển người tham gia BHXH bắt buộc.

Kết quả thực hiện từ năm 2018 đến tháng 4/2023: Năm 2018, đã đơn đốc khai thác được 509 đơn vị với 2.542 lao động; năm 2019 đơn đốc khai thác được 470 đơn vị với 1.712 lao động. Năm 2020, rà soát đối với 7.590 lao động chưa tham gia BHXH, BHYT, kết quả sau rà soát đã phát triển được 381 lao động tham gia BHXH, BHYT. Năm 2021, rà soát đối với 17.090 lao động, phát triển được 186 lao động tham gia BHXH, BHYT. Năm 2022, rà soát 33.220 lao động, phát triển được 1.273 lao động tham gia BHXH, BHYT. 4 tháng đầu năm 2023 rà soát đối với 5.241 lao động, phát triển được 458 lao động tham gia BHXH, BHYT.

- Việc phát triển người tham gia BHXH tự nguyện và thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH cho người lao động tham gia BHXH tự nguyện từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương. BHXH tỉnh đã luôn chủ động, tích cực tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các sở, ngành tăng cường thực hiện công tác phát triển người tham gia BHXH, BHYT; củng cố, đào tạo nghiệp vụ, mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức dịch vụ thu BHXH tự nguyện, BHYT. Trước ngày 01/7/2022, toàn tỉnh có 158 Đại lý thu BHXH, BHYT với 462 điểm thu, 652 nhân viên thu. Hiện nay, toàn tỉnh có 05 tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT với 219 điểm thu và 451 nhân viên thu. Số người tham gia BHXH tự nguyện tăng nhanh từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW đến nay<sup>4</sup>.

- Về thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH cho người tham gia BHXH tự nguyện:

+ Thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH cho người lao động tham gia BHXH tự nguyện tại địa phương, theo đó người tham gia BHXH tự nguyện được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng theo tỷ lệ phần trăm trên mức đóng BHXH hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn, cụ thể: Bằng 30% đối với người tham gia BHXH tự nguyện thuộc hộ nghèo; bằng 25% đối với người tham gia BHXH tự nguyện thuộc hộ cận nghèo; bằng 10% đối với các đối tượng khác. Từ

<sup>4</sup> Năm 2018 chỉ có 2.116 người tham gia BHXH tự nguyện, đến cuối năm 2022, số người tham gia BHXH tự nguyện là 16.024 người, tăng 657,3% so với năm đầu triển khai Nghị quyết số 28-NQ/TW.

năm 2018 đến năm 2022, tổng số tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho người tham gia BHXH tự nguyện là 7.784 triệu đồng cho 16.852 người.

+ Chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH cho người tham gia BHXH tự nguyện từ ngân sách địa phương: Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng chưa ban hành chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH tự nguyện từ ngân sách địa phương cho người tham gia BHXH tự nguyện.

+ Về mức đóng, tỷ lệ đóng BHXH, BHTN từ năm 2018 đến nay: Đối với BHXH bắt buộc, BHTN: Tỷ lệ đóng BHXH, BHTN được thực hiện theo quy định của Luật BHXH và Luật Việc làm (chưa có thay đổi); mức đóng BHXH, BHTN thay đổi tùy thuộc vào việc thay đổi mức lương tối thiểu vùng và mức lương cơ sở của Chính phủ. Riêng đối với BHXH tự nguyện: Tỷ lệ đóng được thực hiện theo quy định của Luật BHXH; mức đóng BHXH tự nguyện theo mức chuẩn hộ nghèo khu vực nông thôn do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ.

#### **2.4. Công tác giải quyết và chi trả các chế độ BHXH, BHTN**

##### **\* Công tác giải quyết các chế độ BHXH**

- Từ năm 2018 đến tháng 4/2023, BHXH toàn tỉnh đã giải quyết cho 349.527 người và lượt người hưởng các chế độ BHXH, BHTN, riêng năm 2022 là 78.650 người và lượt người, tăng 37,32% với 21.375 người và lượt người so với năm 2018. (*Chi tiết kèm theo Phụ lục số 03*)

- Tình hình giải quyết BHXH một lần: Tình trạng người lao động nhận BHXH một lần nhìn chung có chiều hướng gia tăng, năm 2022 cao hơn năm 2018 là 21,6%. BHXH tỉnh đã áp dụng các giải pháp nhằm hạn chế tình trạng hưởng BHXH một lần như: Tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức để người lao động kịp thời nắm bắt các quy định của pháp luật về BHXH; tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp để tư vấn về chế độ, chính sách, phát các tờ rơi tuyên truyền về những thiệt thòi khi người lao động nhận BHXH một lần; các trường hợp người lao động nộp hồ sơ đề nghị thanh toán BHXH một lần, BHXH tỉnh đã tích cực vận động, tư vấn để người lao động tiếp tục tham gia BHXH khi có việc làm mới hoặc tham gia BHXH tự nguyện để đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí hằng tháng và được cấp thẻ BHYT miễn phí khi hưởng chế độ hưu trí...

- Tỷ lệ hưởng lương hưu từ năm 2018 đến nay: Được thực hiện theo quy định của Luật BHXH.

- Về thực hiện tăng tuổi nghỉ hưu theo lộ trình: Thực hiện theo Bộ luật Lao động và Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu.

- Thực hiện điều chỉnh lương hưu cơ bản dựa trên cơ sở mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng, khả năng của Quỹ BHXH và ngân sách Nhà nước; điều chỉnh đối với nhóm đối tượng có mức lương hưu thấp và nghỉ hưu trước năm 1995:

+ Năm 2018, BHXH tỉnh đã thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP, ngày 15/6/2018 của Chính phủ đối với 21.048 người với số tiền tăng thêm sau khi điều chỉnh là 5,2 tỷ đồng.

+ Năm 2019, thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng theo

Nghị định số 44/2019/NĐ-CP, ngày 20/5/2019 của Chính phủ đối với 21.978 người với số tiền tăng thêm sau khi điều chỉnh là 6,87 tỷ đồng.

+ Năm 2022, thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP, ngày 07/12/2021 của Chính phủ đối với 24.411 người với số tiền tăng thêm sau khi điều chỉnh là 8,8 tỷ đồng...

\* Công tác chi trả các chế độ BHXH, BHTN

- Tổng số tiền đã thực hiện chi trả cho người thụ hưởng từ năm 2018 đến tháng 4/2023 là 10,4 tỷ đồng (trong đó chi hỗ trợ thất nghiệp cho người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 là 146.655 triệu đồng), riêng năm 2022 đã chi 2,2 tỷ đồng, tăng 43,68% so với năm 2018, trong đó:

+ Chi từ ngân sách Nhà nước: 1,57 tỷ đồng, riêng năm 2022 là 297.631 triệu đồng, tăng 2,08% so với năm 2018.

+ Chi từ Quỹ BHXH: 8,1 tỷ đồng, riêng năm 2022 là 1,8 tỷ đồng, tăng 50,29% so với năm 2018.

+ Chi từ quỹ BHTN: 704.071 triệu đồng, riêng năm 2022 là 145.359 triệu đồng (trong đó chi hỗ trợ thất nghiệp cho người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 là 10.446 triệu đồng), tăng 101,65% so với năm 2018.

*(Chi tiết kèm theo Phụ lục số 04)*

- Cân đối quỹ BHXH, BHTN: Quỹ BHXH, BHTN có xu hướng bội chi tăng dần qua các năm, cụ thể:

+ Quỹ BHXH: năm 2018 bội chi 2,9 tỷ đồng, năm 2019 bội chi 47.827 triệu đồng, năm 2020 bội chi 128.243 triệu đồng, năm 2021 bội chi 197.510 triệu đồng, năm 2022 bội chi 228.196 triệu đồng.

+ Quỹ BHTN: Năm 2018, 2019 cân đối được quỹ, năm 2020 bội chi 21.842 triệu đồng, năm 2021 bội chi 25.258 triệu đồng, năm 2022 bội chi 52.537 triệu đồng.

## **2.5. Về triển khai hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19**

- Thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP, ngày 09/4/2020 và Nghị quyết số 154/NQ-CP, ngày 19/10/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19: BHXH toàn tỉnh đã giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất cho 19 đơn vị với 3.986 lao động, số tiền tạm dừng đóng là 14.108 triệu đồng.

- Về thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, ngày 01/7/2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ:

+ BHXH toàn tỉnh đã giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất cho 07 đơn vị với 377 lao động, số tiền tạm dừng đóng là 2.260 triệu đồng (hiện nay các doanh nghiệp đã trở lại hoạt động sản xuất kinh doanh và tiếp tục đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động).

+ Đã thực hiện giải quyết giảm tiền đóng vào Quỹ tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho 2.822 đơn vị với 51.505 lao động, số tiền giảm đóng là 15.048 triệu đồng.



+ Thực hiện xác nhận danh sách tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không lương cho 204 đơn vị với 5.034 lao động; xác nhận danh sách lao động ngừng việc cho 27 đơn vị với 152 lao động; xác nhận danh sách người lao động bị ngừng việc do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 cho 09 đơn vị với 228 lao động; xác nhận danh sách người lao động được người sử dụng lao động đề nghị vay vốn để trả lương phục hồi sản xuất cho 03 đơn vị với 452 lao động; xác nhận danh sách người lao động tham gia đào tạo cho 2 đơn vị với 125 lao động.

- Thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP, ngày 24/9/2021 của Chính phủ và Quyết định 28/2021/QĐ-TTg, ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ:

+ Về chính sách giảm mức đóng vào quỹ BHTN: BHXH tỉnh đã thực hiện giảm mức đóng vào quỹ BHTN từ 1% xuống 0% quỹ tiền lương tháng của những người lao động thuộc đối tượng đang tham gia BHTN cho 2.685 đơn vị với 54.116 lao động, số tiền giảm 32.413 triệu đồng.

+ Về chính sách hỗ trợ người lao động từ quỹ BHTN: BHXH toàn tỉnh đã thực hiện giải quyết hỗ trợ thất nghiệp cho 60.650 người với số tiền là 146.656,5 triệu đồng (năm 2021: 57.019 người, số tiền: 136.211 triệu đồng; năm 2022: 3.631 người, số tiền: 10.445,5 triệu đồng); đã chi trả kịp thời cho người lao động, hiện nay còn 01 lao động chưa nhận hỗ trợ thất nghiệp với số tiền là 2,65 triệu đồng (giải quyết trong năm 2021, lý do: Người lao động đi công tác nước ngoài chưa xác định thời gian về nên cơ quan BHXH tỉnh chưa thực hiện chi trả được).

- Thực hiện Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg, ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ: BHXH toàn tỉnh đã xác nhận tình trạng tham gia BHXH của người lao động cho 31 đơn vị với 655 lao động.

### **3. Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ thực hiện chính sách BHXH, BHTN, giải pháp chủ yếu**

#### ***3.1 Về lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức chính sách BHXH***

Các cấp ủy đảng, chính quyền và các sở, ngành, địa phương luôn xác định công tác truyền thông về BHXH, BHTN, BHYT là một nhiệm vụ, giải pháp quan trọng hàng đầu trong công tác phát triển, mở rộng người tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Hằng năm, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao đưa nội dung tuyên truyền, phổ biến Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việc làm vào trong chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm của UBND tỉnh.

Các sở, ngành, BHXH tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền nội dung của Nghị quyết số 28-NQ/TW và kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp với nhiều hình thức như: Phóng sự, đăng tải nội dung Nghị quyết trên Báo Lâm Đồng, pano, băng rôn, tờ gấp, phát thanh tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh của các xã, phường, thị trấn,...; đồng thời BHXH tỉnh chỉ đạo BHXH huyện, thành phố phối hợp với các cơ quan cùng cấp tại địa phương phối hợp tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 28-NQ/TW tại các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân.

BHXX tỉnh phối hợp với Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện các phóng sự chuyên đề và chuyên mục “Hỏi - Đáp về chính sách, pháp luật BHXX, BHYT”; “Lâm Đồng với chính sách BHXX, BHYT”, “Radio Truyền thông chính sách”. Lãnh đạo BHXX tỉnh cùng với đại diện lãnh đạo Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hằng năm tổ chức tọa đàm, đối thoại trực tiếp với nhân dân qua sóng truyền hình tỉnh về cải cách hành chính và về thực hiện chính sách BHXX, BHYT. Phối hợp với ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh và cấp huyện tổ chức các hình thức tuyên truyền trực quan như: băng rôn, cờ phướn, pano.... Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động tỉnh tuyên truyền pháp luật BHXX, BHYT, pháp luật lao động, pháp luật công đoàn trong các doanh nghiệp thông qua các đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành, đối thoại, tọa đàm.

Các cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền chính sách BHXX, BHYT, trong đó chú trọng về BHXX tự nguyện, đồng thời chỉ đạo cơ quan BHXX phối hợp với các phòng, ban, hội, đoàn thể, UBND xã, phường, thị trấn tổ chức các hội nghị tuyên truyền, đối thoại các chính sách BHXX, BHYT tại địa phương. Đẩy mạnh tuyên truyền nội dung Luật BHXX, Luật BHYT, Luật Việc làm qua hệ thống Đài phát thanh truyền hình huyện, thành phố; hệ thống loa phát thanh tại xã, phường, thị trấn. Hằng tháng đã sử dụng tạp chí BHXX phát hành hằng tuần, hằng tháng, số chuyên đề gửi đến lãnh đạo các cơ quan đảng, chính quyền, sở, ban, ngành và đoàn thể từ tỉnh tới các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh có nhiều lao động tham gia BHXX, BHYT để tuyên truyền. Thường xuyên sử dụng các ấn phẩm tuyên truyền trực quan như pano, áp phích, tờ rơi để tuyên truyền...

Thông qua công tác tuyên truyền đã nâng cao nhận thức của Nhân dân, người sử dụng lao động và người lao động về chính sách BHXX, BHYT, đặc biệt là về quyền lợi và trách nhiệm để từ đó tự giác tham gia; số người tham gia BHXX, BHYT năm sau tăng cao hơn năm trước. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, đoàn thể cũng đã thực hiện tốt hơn vai trò, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện chính sách BHXX, BHYT tại địa phương, đơn vị.

### ***3.2 Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về BHXX***

UBND tỉnh đã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách BHXX, BHYT, BHYT do 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban và các thành viên là đại diện lãnh đạo các sở, ngành, đoàn thể liên quan. Ban Chỉ đạo đã ban hành Quy chế hoạt động, phân công cụ thể nhiệm vụ cho các thành viên về thực hiện chính sách BHXX, BHYT, BHYT, hằng năm có sơ kết, tổng kết và đề ra kế hoạch, giải pháp thực hiện của năm tiếp theo; chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách BHXX, BHYT, BHYT tại 12/12 huyện, thành phố và 142/142 xã, phường, thị trấn.

Từ năm 2018 đến tháng 4/2023, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và ngành BHXX đã tổ chức và phối hợp thanh tra, kiểm tra trên 1.000 đơn vị sử

dụng lao động<sup>5</sup>; ban hành 16 quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực BHXH, BHTN (trong đó: BHXH tỉnh ban hành 12 quyết định và UBND tỉnh ban hành 04 quyết định) với tổng số tiền xử phạt là 908,3 triệu đồng (trong đó: có 04 đơn vị đã thực hiện nộp tiền xử phạt với 227,6 triệu đồng). Phối hợp với cơ quan Công an mời người đại diện theo quy định của pháp luật của các đơn vị trì hoãn thời gian thanh tra, đơn vị không chấp hành đầy đủ kết luận thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính đến trụ sở Công an tỉnh để làm việc và yêu cầu đơn vị thực hiện. Chuyển 02 hồ sơ sang cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh kiến nghị khởi tố vụ án trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định.

*(Chi tiết kèm theo Phụ lục số 05)*

Hàng năm, Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH, BHTN cho các huyện, thành phố; đồng thời UBND các huyện, thành phố đã thực hiện giao chỉ tiêu phát triển người tham gia đến cấp xã, phường, thị trấn. Các sở, ngành, đơn vị liên quan thường xuyên kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu để nâng cao hiệu quả quản lý người tham gia và thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN.

### **3.3 Về nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHTN**

Thực hiện chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Nghị quyết số 28-NQ/TW. Trên cơ sở Đề án “Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của BHXH Việt Nam theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” của ngành BHXH Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 856/QĐ-TTg, ngày 10/7/2019. Giai đoạn 2019-2020, BHXH tỉnh giảm 01 đầu mối cấp phòng (Phòng Tiếp nhận và trả kết quả TTHC) và 01 đầu mối BHXH cấp huyện (BHXH thành phố Đà Lạt sáp nhập vào BHXH tỉnh); giai đoạn 2021-2025, BHXH tỉnh tiếp tục giảm 02 đầu mối cấp phòng (giảm Phòng Cấp sổ, thẻ vào đầu năm 2023; tiếp tục giảm Phòng Công nghệ thông tin vào đầu năm 2024). Hiện nay, cơ cấu tổ chức của BHXH tỉnh gồm 09 phòng nghiệp vụ và 11 BHXH huyện, thành phố trực thuộc (giảm 02 phòng và 01 BHXH cấp huyện so với trước đây).

Sau gần 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, đội ngũ công chức, viên chức và người lao động của BHXH tỉnh ngày càng tinh gọn và nâng cao về chất lượng; đến nay toàn BHXH tỉnh có 189 công chức, viên chức làm chuyên môn nghiệp vụ, giảm 25 người so với cuối năm 2017 (tỷ lệ giảm 11,7%), trong đó công chức, viên chức có trình độ từ đại học trở lên chiếm hơn 98,95%. Đặc biệt đội ngũ công chức, viên chức BHXH tỉnh ngày càng nâng cao về kỹ năng tiếp cận công nghệ thông tin; quản lý, sử dụng, khai thác có hiệu quả các phần mềm nghiệp vụ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thay đổi tác phong, lề lối làm việc, thái độ

<sup>5</sup> Qua thanh tra, kiểm tra đã yêu cầu đơn vị sử dụng lao động lập hồ sơ đăng ký đóng và đóng bổ sung BHXH, BHTN cho 2.514 lao động với số tiền là 9,6 tỷ đồng; điều chỉnh mức đóng BHXH, BHTN cho 1.821 lao động với số tiền là 1,5 tỷ đồng; thoái thu đóng BHXH, BHTN đối với 64 lao động với số tiền là 443,73 triệu đồng; xuất toán, thu hồi số tiền chi chế độ BHXH ngắn hạn không đúng quy định đối với 210 lượt người, số tiền là 376,76 triệu đồng; đơn đốc thu hồi số tiền nợ BHXH, BHTN là 77,4 tỷ đồng.

phục vụ Nhân dân, phù hợp với tinh thần của Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động vì người dân và doanh nghiệp.

### ***3.4. Về vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội***

Từ năm 2018 đến tháng 4/2023, để thực hiện tốt chính sách BHXH, BHTN trên địa bàn tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và BHXH tỉnh đã chủ động phối hợp tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành 114 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN.

BHXH tỉnh luôn chủ động và thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành, địa phương trong việc triển khai, tổ chức thực hiện chế độ, chính sách BHXH, BHTN, BHYT; đặc biệt, là việc triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đề ra tại các Nghị quyết của Trung ương, của Chính phủ; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận về cải cách chính sách BHXH; mở rộng độ bao phủ, tiến tới BHXH, BHYT toàn dân; đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động tổ chức BHXH; quản lý, bảo toàn, tăng trưởng Quỹ BHXH. Thường xuyên chủ động trao đổi, phối hợp với các sở, ngành liên quan để tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện chế độ, chính sách, đảm bảo quyền lợi của các chủ thể tham gia BHXH, BHTN, BHYT.

BHXH tỉnh ký kết quy chế phối hợp, kế hoạch phối hợp với các đơn vị: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh và 142 xã, phường, thị trấn trong tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật BHXH, BHYT. Ngoài ra, để tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân tham gia BHXH, BHYT theo quy định, BHXH toàn tỉnh đã ký hợp đồng với 05 tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT, triển khai dịch vụ thu BHXH tự nguyện tại tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh.

## **4. Đánh giá chung**

### ***4.1 Kết quả đạt được***

Sau 05 năm thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách BHXH tại địa phương.

Công tác tuyên truyền được thường xuyên chú trọng theo hướng có trọng tâm, linh hoạt phù hợp với từng nhóm đối tượng; nội dung Nghị quyết số 28-NQ/TW và các quy định của pháp luật BHXH, BHYT đã được quán triệt, triển khai kịp thời sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị; các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động, người lao động đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực hiện chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết đã được quan tâm thực hiện kịp thời, đồng bộ từ tỉnh đến huyện.

Vai trò quản lý Nhà nước về BHXH được nâng cao và hiệu quả hơn; hệ thống tổ chức làm công tác BHXH được củng cố, kiện toàn thường xuyên, hoạt động

hiệu quả, cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; thực hiện tốt công tác quản lý thu, chi quỹ BHXH, BHTN; cải cách hành chính trong BHXH, BHTN, đặc biệt là cải cách TTHC và ứng dụng công nghệ thông tin chuyên biến rõ nét và hiệu quả.

Số người tham gia BHXH tăng nhanh, đặc biệt là số người tham gia BHXH tự nguyện từ năm 2019 đến nay; quyền lợi của người tham gia BHXH, BHTN được đảm bảo tốt hơn, từ đó đã góp phần đảm bảo tốt an sinh xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

#### **4.2 Hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

Tỷ lệ lao động tham gia BHXH, BHTN<sup>6</sup> chưa đạt mục tiêu Nghị quyết số 28-NQ/TW đề ra, còn thấp so với lực lượng lao động trong độ tuổi đang làm việc và còn thấp hơn tỷ lệ đạt bình quân của cả nước.

Lao động tham gia BHXH tự nguyện mặc dù từ năm 2019 đến năm 2021 có tăng nhanh, đạt mục tiêu Nghị quyết số 28-NQ/TW đề ra, nhưng còn chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số người tham gia BHXH (năm 2021 chiếm 14,64%; năm 2022 chiếm 13,23%); năm 2022 số người tham gia BHXH tự nguyện dừng không tiếp tục tham gia có xu hướng tăng do thay đổi mức đóng BHXH tự nguyện trong năm 2022.

Tính tuân thủ pháp luật về BHXH, BHTN còn thấp, tình trạng trốn đóng, chậm đóng, nợ đọng BHXH, BHTN vẫn còn nhiều, ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của ngành BHXH.

Tình trạng người lao động hưởng BHXH một lần có chiều hướng gia tăng qua các năm, điều này sẽ dẫn đến việc khó đảm bảo thực hiện mục tiêu số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội của Nghị quyết số 28-NQ/TW.

Một số văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện chế độ, chính sách BHXH, BHTN chưa rõ, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện như: Việc xác định tai nạn là tai nạn lao động trong các trường hợp thực hiện các nhiệm vụ, công việc lao động do người sử dụng lao động phân công ngoài phạm vi hợp đồng lao động còn chưa thống nhất, chế độ thai sản đối với trường hợp người mẹ sinh con dưới 2 tháng tuổi bị chết, nhưng người mẹ buộc phải nghỉ 4 tháng, không được đi làm sớm, ...; cơ chế để tổ chức công đoàn khởi kiện đơn vị, doanh nghiệp trốn đóng BHXH, BHTN ra Tòa án chưa rõ ràng, còn nhiều vướng mắc...

Luật BHXH năm 2014 quy định đối tượng tham gia BHXH tự nguyện chỉ được hưởng 2 chế độ là hưu trí và tử tuất, thời gian đóng BHXH tự nguyện tối thiểu để hưởng hưu trí kéo dài đến 20 năm dẫn đến khó khăn trong việc tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện.

#### **4.3 Các nguyên nhân của hạn chế, tồn tại**

Từ năm 2020 đến nay, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, từ đó dẫn đến công tác phát triển người tham gia BHXH, BHTN cũng gặp nhiều khó khăn.

<sup>6</sup> Năm 2021 tham gia BHXH là 14,3%, tham gia BHTN là 9,54%; năm 2022 tham gia BHXH là 15,27%, BHTN là 10,61%.

Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô sản xuất nhỏ, sử dụng lực lượng lao động còn ít và mang tính chất thời vụ nên không có giao kết hợp đồng lao động; người dân trong độ tuổi lao động, sinh viên sau khi học tập xong thường có xu hướng làm việc tại các thành phố lớn, các trung tâm công nghiệp lớn dẫn đến nguồn lao động để phát triển tham gia BHXH, BHTN tại tỉnh rất khó khăn.

Một số cấp ủy và chính quyền một số địa phương và lãnh đạo một số cơ quan, doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của chính sách BHXH, BHTN nên chưa quan tâm đúng mức trong chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHTN trên địa bàn.

Công tác truyền thông về BHXH, BHTN còn dàn trải, phương thức tuyên truyền chậm đổi mới; một số nơi, người dân tiếp cận được các thông tin về chính sách BHXH, BHTN chưa được kịp thời. Một số cơ quan truyền thông chưa xây dựng được các tin, bài có chất lượng về BHXH, BHTN do đó chưa làm thay đổi nhận thức của người dân để từ đó thuyết phục được người dân tham gia BHXH tự nguyện.

Nhận thức của một bộ phận chủ sử dụng lao động, người lao động, người dân về BHXH, BHTN còn hạn chế. Một số chủ sử dụng lao động cố tình không tham gia BHXH, BHTN cho người lao động hoặc chỉ tham gia cầm chừng mang tính đối phó, một số khác cố tình chiếm dụng, không trích đóng, để nợ đọng BHXH, BHTN số tiền lớn, kéo dài. Mặt khác mức sống, thu nhập của một bộ phận người dân, người lao động còn thấp cộng với tâm lý chỉ lo cho cuộc sống trước mắt nên không muốn tham gia BHXH, BHTN.

Việc sửa đổi chính sách, pháp luật về BHXH còn chưa theo kịp với phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; mức hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện còn thấp; chính sách BHXH tự nguyện cho khu vực phi chính thức mới chỉ giới hạn ở chế độ hưu trí và tử tuất, thời gian tham gia BHXH tối thiểu 20 năm mới được hưởng lương hưu nên chưa thu hút được số đông người tham gia BHXH. Công tác phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về BHXH với cơ quan BHXH tuy đã có chuyển biến nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

#### **4.4 Bài học kinh nghiệm**

- Xác định công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH đóng vai trò quan trọng hàng đầu và phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, chủ động, kịp thời.

- Việc hoàn thiện chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN bên cạnh các yếu tố đồng bộ, cần phải kịp thời, linh hoạt phù hợp với các nhóm đối tượng và quan điểm ngày càng mở rộng quyền lợi của người tham gia.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước và cơ quan BHXH các cấp phải đảm bảo chặt chẽ, nhất là sự phối hợp giữa cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; quản lý tốt người tham gia và thụ hưởng chế độ BHXH, BHTN.

- Thường xuyên quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy; nâng cao chất lượng, chuyển đổi tác phong, lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính cho đội ngũ viên chức, người lao động; thực hiện phân công, phân nhiệm đảm bảo

nguyên tắc: rõ người, rõ việc, rõ quy trình trách nhiệm; rõ kết quả.

- Cơ quan BHXH phải chủ động phối hợp với các cơ quan trong việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp trong thực hiện chính sách BHXH gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, an sinh của địa phương để có thể huy động cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc trong triển khai thực hiện chính sách BHXH.

- Tăng cường công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra giám sát việc chấp hành pháp luật BHXH, BHTN, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm.

- Đẩy mạnh ứng dụng công tin trong các hoạt động về thực hiện chính sách BHXH, thực hiện tốt cải cách hành chính, đảm bảo kịp thời quyền lợi cho người tham gia BHXH nâng cao lòng tin, sự hài lòng của Nhân dân để thu hút tham gia BHXH tự nguyện.

- Định kỳ thường xuyên tiến hành sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm quá trình tổ chức thực hiện, qua đó kịp thời đề ra những mục tiêu, kế hoạch, lộ trình, giải pháp thực hiện có hiệu quả cho thời gian tiếp theo.

### ***Phần thứ hai***

## **ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **NHẪM HOÀN THÀNH MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT SỐ 28-NQ/TW**

#### **I. Dự báo và bối cảnh kinh tế - xã hội trong thời gian tới**

Tình hình thế giới diễn biến hết phức tạp, khó lường, đặc biệt là căng thẳng xung đột giữa Nga - Ukraine. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, những vấn đề toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp. Kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn so với dự báo trước đó, lạm phát ở nhiều nước, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy...

Trong nước, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều khó khăn, thách thức. Biến đổi khí hậu ngày càng tác động mạnh, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển của nước ta. Giá cả một số hàng hóa đầu vào tăng; chuỗi cung ứng lao động trong nước chưa phục hồi, nguồn nhân lực lao động thiếu hụt tại một số thời điểm, ở một số địa phương đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân; tác động của đại dịch COVID-19 và những thay đổi về chính sách đã ảnh hưởng đến số người tham gia BHXH, BHTN.

Trong tỉnh, kinh tế - xã hội đạt những kết quả tích cực; tác động của việc tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng tạo đà phát triển toàn diện, bền vững cho địa phương; kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn thiện, trình độ dân trí, văn hóa và đời sống vật chất, tinh thần nhân dân không ngừng nâng lên..., là điều kiện, động lực cho phát triển giai đoạn tiếp theo; tuy nhiên, bên cạnh đó tình hình kinh tế của tỉnh phát triển chưa bền vững, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; đời sống một bộ phận nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn

nhiều khó khăn.

## **II. Nhiệm vụ, giải pháp**

Để tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 28-NQ/TW và Kế hoạch số 65-KH/TU của Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội quyết tâm thực hiện hiệu quả, tạo chuyển biến sâu sắc, toàn diện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết. Đồng thời triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, nội dung của cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; chú trọng phát huy ưu thế của các hình thức, phương pháp truyền thông hiện đại, đa phương tiện, trên các ứng dụng Internet; bảo đảm người dân có thể tiếp cận tốt nhất mọi thông tin về chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với các cấp, ngành liên quan trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện nghiêm các quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Việc làm.

3. Đẩy mạnh việc phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, nhất là tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; giải quyết đầy đủ, kịp thời các quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Thực hiện tích cực các giải pháp phòng chống hành vi trục lợi, lạm dụng quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, đặc biệt là công tác thanh tra chuyên ngành, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và gian lận, trục lợi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

5. Thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện tốt cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; đẩy mạnh thực hiện giao dịch điện tử về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; mở rộng, đa dạng hóa các hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; đẩy mạnh chuyển đổi số, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thực hiện đồng bộ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

6. Chỉ đạo các cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh và huyện tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn bộ máy, biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức về năng lực, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng Ngành Bảo hiểm xã hội hiện đại, chuyên nghiệp, hướng tới sự hài lòng của người dân. Tiếp tục củng cố, mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống tổ chức dịch vụ thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Kịp thời khen thưởng, nhân rộng những gương điển hình tiên tiến



trong thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

### ***Phần thứ ba*** **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Đối với Quốc hội**

Sớm nghiên cứu thể chế hóa quan điểm, mục tiêu và các nội dung cải cách về chính sách BHXH trong các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết có liên quan để sửa đổi, bổ sung phù hợp với Nghị quyết số 28-NQ/TW, như:

Mở rộng đối tượng tham gia BHXH bắt buộc sang các nhóm đối tượng khác có nhu cầu và có khả năng tham gia theo hướng chuyển dịch lao động đang làm việc trong khu vực phi chính thức sang khu vực chính thức để gia tăng nhanh số lao động tham gia BHXH, mở rộng đối tượng tham gia BHXH bắt buộc đối với các nhóm chủ hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp, người quản lý, điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương, người lao động làm việc theo chế độ linh hoạt.

Sửa đổi quy định về giảm điều kiện thời gian tham gia BHXH từ 20 năm xuống 15 năm để hưởng chế độ hưu trí nhằm thu hút lực lượng lao động trong nông nghiệp, nông thôn và khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện; bổ sung quyền lợi hưởng chế độ thai sản khi tham gia BHXH tự nguyện. Sửa đổi quy định trợ cấp BHXH một lần theo hướng khuyến khích người lao động bảo lưu thời gian đóng để hưởng chế độ hưu trí khi hết tuổi lao động hoặc không có khả năng lao động.

Sửa đổi, bổ sung Luật BHXH và các Luật có liên quan theo hướng bổ sung chức năng thanh tra chuyên ngành và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các lĩnh vực quản lý của BHXH Việt Nam để cơ quan BHXH thực hiện chức năng thanh tra một cách đầy đủ, phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về BHXH, BHTN.

#### **2. Đối với Chính phủ**

Giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHTN hàng năm cho UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để gắn với trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện. Chỉ đạo các bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời xử lý những vướng mắc và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách, pháp luật BHXH phù hợp với tinh thần các Nghị quyết của Trung ương Đảng về chính sách BHXH.

Sớm ban hành và triển khai thực hiện về gói BHXH ngắn hạn linh hoạt để người lao động có nhiều sự lựa chọn tham gia và thụ hưởng; chỉ đạo các bộ, ngành liên quan hoàn thiện văn bản pháp luật có liên quan đến việc khởi kiện đơn vị vi phạm pháp luật BHXH, BHYT, nhất là đơn vị nợ đọng kéo dài.

Nâng mức hỗ trợ tiền đóng BHXH từ ngân sách trung ương cho người tham gia BHXH tự nguyện, cụ thể: tăng mức hỗ trợ từ 30% lên 50% đối với người thuộc hộ nghèo; từ 25% lên 40% đối với người thuộc hộ cận nghèo và từ 10% lên 20% đối với các đối tượng còn lại.

### **3. Đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

Phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình Chính phủ ban hành quy định về quản lý nợ và các giải pháp xử lý tiền nợ BHXH, BHYTN tồn đọng kéo dài của các doanh nghiệp không còn hoạt động, giải thể, phá sản hoặc chủ sử dụng lao động bỏ trốn, mất tích; hướng dẫn và có chế tài đối với hành vi không đóng lãi chậm đóng BHXH.

Đối với các đơn vị thuộc nhóm nợ khó thu đã được chốt số nợ, dừng tính lãi từ thời điểm đơn vị ngừng sản xuất kinh doanh, giải thể, phá sản: Đề nghị đưa số nợ BHXH, BHYTN ở các đơn vị này ra theo dõi riêng và không tính trong tổng số nợ của các đơn vị đối với cơ quan BHXH.

Nơi nhận:

- Ban Kinh tế Trung ương,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các ban của Tỉnh ủy, đảng đoàn, Ban cán sự đảng,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy,
- đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí UVBTVTU, Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XH1.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Trần Đình Văn**

## BÁO CÁO NGƯỜI THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số 400 -BC/TU ngày 07 /6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tăng năm 2022 so với năm 2018		Năm 2023	
							Số người	Tỷ lệ %	Đến tháng 4	Dự kiến đến hết năm
Số người lao động tham gia BHXH	Người	99,642	107,372	111,096	112,511	121,158	21,516	21.59%	120,344	128,108
<i>Trong đó, BHXH bắt buộc</i>	Người	97,526	100,548	97,513	96,035	105,134	7,608	7.80%	105,375	109,648
<i>Trong đó, BHXH tự nguyện</i>	Người	2,116	6,824	13,583	16,476	16,024	13,908	657.28%	14,969	18,460
Tỷ lệ lực lượng lao động trong tuổi tham gia BHXH	%	13.33	14.05	14.25	14.30	15.27		1.94	15.03	16.00
<i>Trong đó, BHXH bắt buộc</i>	%	13.05	13.16	12.51	12.21	13.25		0.20	13.16	13.69
<i>Trong đó, BHXH tự nguyện</i>	%	0.28	0.89	1.74	2.09	2.02		1.74	1.87	2.31
Số người tham gia BHTN	Người	75,519	78,893	76,357	75,009	84,206	8,687	11.50%	84,501	88,720
Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia BHTN	%	10.1	10.32	9.79	9.54	10.61		0.51	10.55	11.08

Ghi chú: Số người tham gia BHXH đã bao gồm lực lượng vũ trang

**BÁO CÁO SỐ THU BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP**

(Kèm theo Báo cáo số 400 -BC/TU ngày 07/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/giảm năm 2022 so với năm 2018		2023 (dự kiến)	
						Số tiền	Tỷ lệ	Đến tháng 4	Dự kiến đến hết năm
Số thu BHXH, trong đó:	1,206,811	1,347,977	1,412,693	1,439,092	1,581,092	374,281	31.01%	514,645	1,685,195
<i>BHXH bắt buộc</i>	1,197,907	1,324,548	1,367,147	1,372,658	1,502,363	304,456	25.42%	489,570	1,602,431
<i>BHXH tự nguyện</i>	8,904	23,429	45,546	66,434	78,729	69,825	784.20%	25,075	82,764
Số thu BHTN	82,832	91,412	95,043	89,289	82,298	-534	-0.64%	35,562	111,868
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,289,643</b>	<b>1,439,389</b>	<b>1,507,736</b>	<b>1,528,381</b>	<b>1,663,390</b>	<b>373,747</b>	<b>28.98%</b>	<b>550,207</b>	<b>1,797,063</b>

**CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT CÁC CHẾ ĐỘ BHXH, BHTN GIAI ĐOẠN 2018-2023**  
(Kèm theo Báo cáo số 400 -BC/TU ngày 07/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Đơn vị tính: Người và lượt người

Năm	Hưu trí	BHXH 1 lần	Ốm đau	Thai sản	Nghỉ dưỡng sức	Tuất hàng tháng	Tuất một lần	Mai táng phí	Tai nạn lao động	Bảo hiểm thất nghiệp	Hỗ trợ học nghề	Tổng cộng
2018	1,208	6,528	14,434	7,041	1,488	173	320	443	7	25,415	218	<b>57,275</b>
2019	1,278	6,346	15,534	7,702	1,612	160	352	456	10	26,471	350	<b>60,271</b>
2020	1,514	6,288	15,845	7,395	1,669	121	368	448	9	36,408	646	<b>70,711</b>
2021	992	7,539	10,267	6,241	1,581	142	366	432	2	33,405	382	<b>61,349</b>
2022	968	7,940	24,949	4,849	1,249	160	467	531	2	36,702	833	<b>78,650</b>
4 tháng đầu năm 2023	234	3,417	4,453	1,890	348	49	155	174	2	10,252	297	<b>21,271</b>
<b>Tổng</b>	<b>6,194</b>	<b>38,058</b>	<b>85,482</b>	<b>35,118</b>	<b>7,947</b>	<b>805</b>	<b>2,028</b>	<b>2,484</b>	<b>32</b>	<b>168,653</b>	<b>2,726</b>	<b>349,527</b>

**BÁO CÁO CÔNG TÁC CHI TRẢ CHẾ ĐỘ BHXH, BHTN GIAI ĐOẠN 2018-2023**

(Kèm theo Báo cáo số 400-BC/TU ngày 07/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	2018	2019	2020	2021	2022	Năm 2022 so với năm 2018		Đến tháng 4/2023	Tổng cộng
							Số tiền	Tỷ lệ %		
<b>I</b>	<b>Chi BHXH cho đối tượng do NSNN đảm bảo</b>	291,573	301,417	300,905	287,889	297,631	6,058	2.08%	98,498	<b>1,577,913</b>
<b>II</b>	<b>Chi BHXH cho đối tượng do nguồn quỹ bảo đảm</b>	1,203,704	1,381,034	1,526,129	1,632,236	1,809,073	605,369	50.29%	624,231	<b>8,176,407</b>
1	Quỹ HTTT trong đó	1,084,831	1,238,988	1,380,313	1,502,478	1,690,077	605,246	55.79%	582,383	<b>7,479,070</b>
1.1	Chi BHXH bắt buộc	1,068,551	1,219,330	1,357,163	1,474,360	1,655,785	587,234	54.96%	569,723	<b>7,344,912</b>
1.2	Chi BHXH tự nguyện	16,280	19,658	23,150	28,118	34,292	18,012	110.64%	12,660	<b>134,158</b>
2	Quỹ TNLĐ, BNN	2,373	2,942	2,954	2,681	2,908	535	22.55%	887	<b>14,745</b>
3	Quỹ ODTs, DS	116,500	139,104	142,862	127,077	116,088	-412	-0.35%	40,961	<b>682,592</b>
<b>III</b>	<b>Chi BHTN</b>	72,085	81,647	117,055	250,311	145,359	73,274	101.65%	37,614	<b>704,071</b>
	Trong đó: Hỗ trợ NLĐ bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg				136,209	10,446				<b>146,655</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1,567,362</b>	<b>1,764,098</b>	<b>1,944,089</b>	<b>2,170,436</b>	<b>2,252,063</b>			<b>760,343</b>	<b>10,458,391</b>

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA GIAI ĐOẠN 2018-2023

(Kèm theo Báo cáo số 400 -BC/TU ngày 07/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	Số đơn vị SDLD được thanh tra, kiểm tra	Kết quả thực hiện											Chuyển hồ sơ kiến nghị khởi tố
		Đối tượng		Mức đóng		Thoái thu		Xuất toán		Đôn đốc nợ	Xử phạt vi		
		Lao động	Số tiền	Lao động	Số tiền	Lao động	Số tiền	Lao động	Số tiền		Đơn vị	Số tiền	
Năm 2018	210	539	2,228.86	559	391.66	22	152.53	85	115.85	14,320.65	4	125.12	
Năm 2019	250	821	2,781.16	620	350.45	13	73.67	23	32.75	22,354.59	7	693.73	
Năm 2020	85	347	1,164.34	424	461.86	8	33.44	67	64.81	8,031.90	0	0.00	1
Năm 2021	202	323	1,319.34	133	132.57	14	101.79	18	135.43	13,541.80	0	0.00	1
Năm 2022	222	447	1,613.82	77	178.40	7	82.30	17	27.92	18,816.00	5	89.49	
4 tháng đầu năm 2023	32	37	535.81	8	5.20	0	0.00	0	0.00	328.00	0	0.00	
Tổng cộng	1,001	2,514	9,643.33	1,821	1,520.14	64	443.73	210	376.76	77,392.94	16.00	908.34	2